


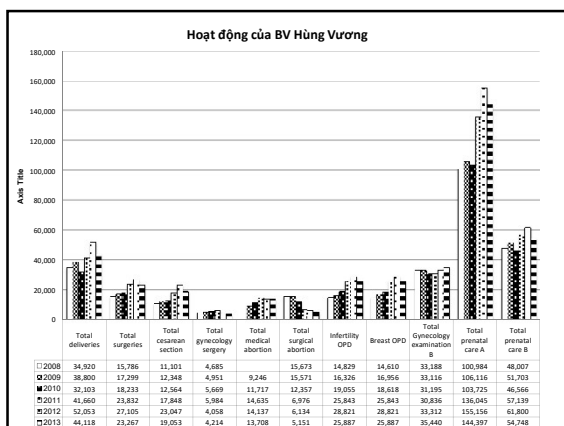

Ứng dụng thành công chương trình VST tại bệnh viện Hùng Vương

Phan Thị Hằng
Trần Thị Thuý Hằng
Đinh Phạm Phương Anh




Bệnh viện Hùng Vương

- BV Sản phụ khoa tuyến TW
- 800 giường dành cho phụ nữ
- 100 giường cho trẻ sơ sinh
- Số lượng chuyên gia:
 - 200 Bác sĩ sản phụ khoa
 - 700 nữ hộ sinh và điều dưỡng

Thiếu lồng ấp.
Điều dưỡng ít lưu ý đến tuân thủ kỹ thuật vô khuẩn

4



Giám sát vệ sinh tay


Vệ sinh bàn tay trong chăm sóc y tế

Huấn luyện kiến thức cho NVYT từ 2006

Chiến dịch rửa tay, năm 2007
Bệnh viện Hùng Vương

Giám sát tuân thủ VST từ 2006 đến 2009

| No. | Opp | HW/HR | HCW s | Sex | Time | HR | | | | | | | |
|-----|-----|-------|-------|-----|------|----|--------------------|------|------|------|------|--|--|
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | Tỷ lệ tuân thủ VST | 2006 | 2007 | 2008 | 2009 | | |
| | | | | | | | | 32 | 23 | 2 | 8 | | |



Những khó khăn khởi đầu

- NVYT chỉ rửa tay khi được giám sát, chủ yếu rửa tay bằng nước và xà phòng
- Chưa trang bị đầy đủ DDSKTN tại các thời điểm chăm sóc
- Thiếu sự làm gương của các trưởng khoa
- Thiếu sự hợp tác của BS, Điều dưỡng, NHS với nhân viên giám sát
- Tỷ lệ NKBV tại khoa sơ sinh vào năm 2009 là 15.7/100 bn nhập nhi

Phương pháp thực hiện

- Tổ chức chương trình vệ sinh tay hàng năm từ 2010 và ứng dụng các công cụ của WHO
- Giám sát tỉ lệ tuân thủ VST toàn viện với số lượng từ 2000-3600 cơ hội cho mỗi đợt giám sát, 2-3 đợt mỗi năm
- The HAIs hospital wide surveillance started collect data since June 2010, using CDC criteria in 2008

Làm thế nào để ứng dụng các công cụ của WHO

- Thay đổi hệ thống: Cung cấp DDSKTN và xà phòng diệt khuẩn
- Huấn luyện: Huấn luyện nhóm nhỏ, ban hành sổ tay, khuyến cáo
- Giám sát và phản hồi: Theo dõi tuân thủ VST, tiêu thụ xà phòng và DDSKTN. Phản hồi kết quả và khen thưởng
- Nhắc nhở: Thiết kế, phân phát poster, làm màn hình chờ
- Tạo văn hoá an toàn NB: Hỗ trợ từ Giám đốc, các trưởng khoa, điều dưỡng trưởng và tất cả NVYT

Cung cấp DDSKTN và xà phòng

Since 10/ 2012

Liệt kê các tài liệu hướng dẫn vệ sinh tay của WHO

- Hand hygiene: why, how and when
- TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VỀ SINH TAY
- Glove use information
- Summary of HH recommendation
- Hand hygiene technical reference manual
- Cẩm Nang Hướng Dẫn Vệ Sinh Tay

TRƯỚC

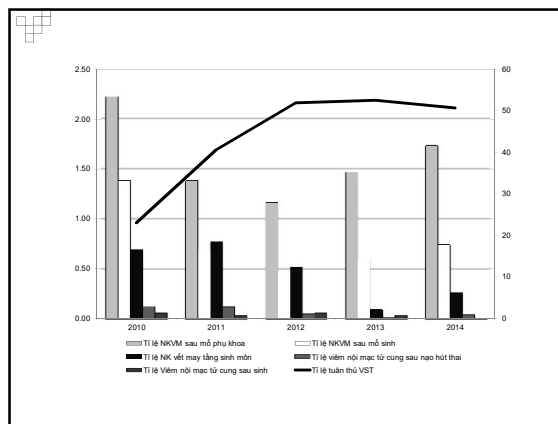
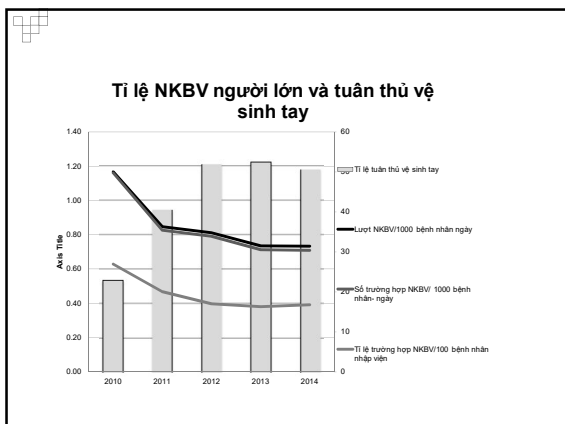
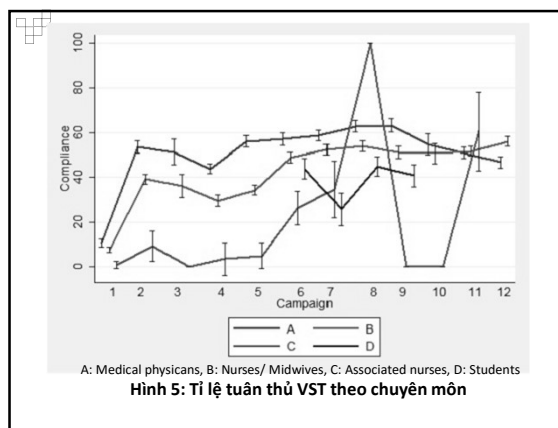
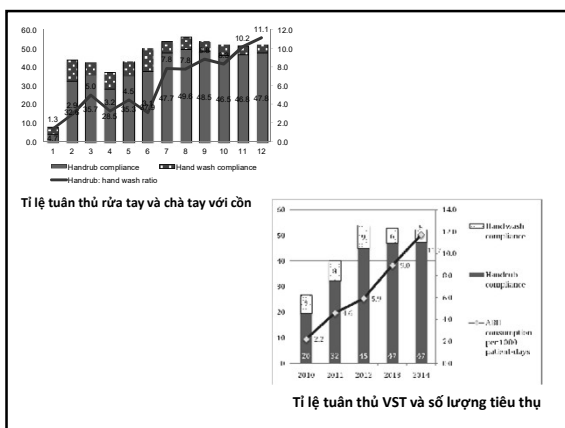
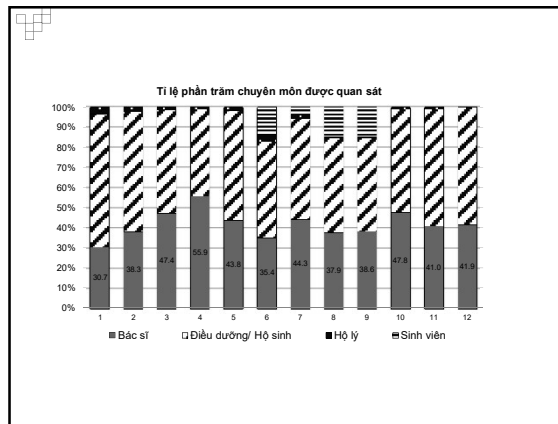
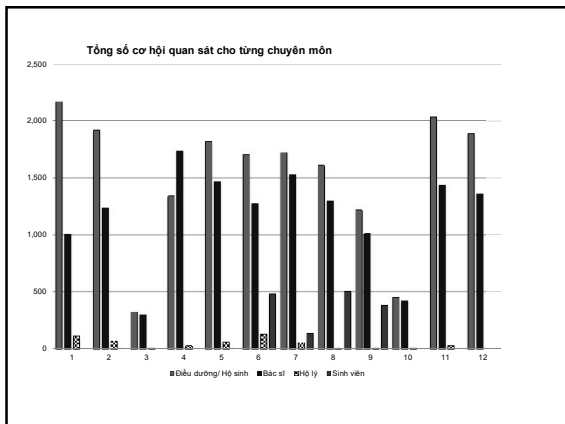
CAN THIỆP

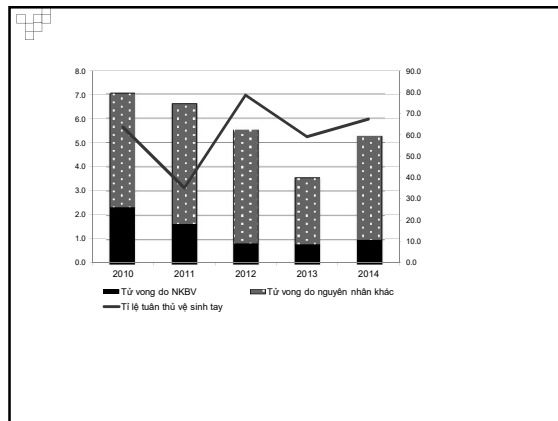
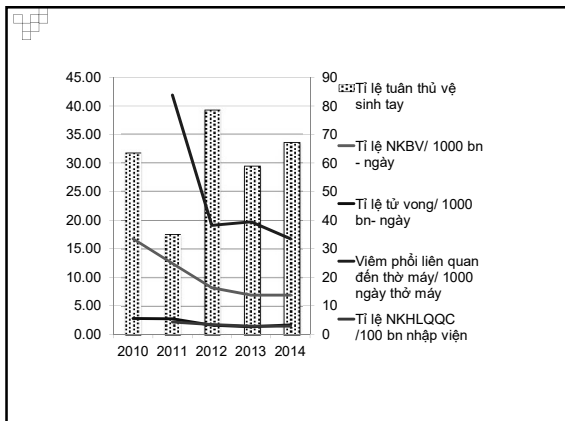
CẢM ƠN

Kết quả

Bảng 1 Đặc điểm cơ bản

| Đợt giám sát | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | Tổng cộng |
|---|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|-----------|
| Thời điểm GS | 10-Apr | 10-Jun | 10-Dec | 11-Apr | 11-Jun | 12-Apr | 12-Jul | 12-Nov | 13-Apr | 13-Aug | 14-Jun | 14-Nov | |
| Tổng thời gian GS | 4,442 | 4,090 | 1,086 | 3,928 | 3,546 | 4,200 | 4,782 | 4,215 | 3,186 | 1,289 | 4,146 | 3,925 | 42,835 |
| Tổng số cơ hội | 3,298 | 3,234 | 642 | 3,118 | 3,353 | 3,600 | 3,454 | 3,434 | 2,625 | 891 | 3,506 | 3,259 | 34,414 |
| Trung bình số cơ hội trong 1 giờ | 40 | 47 | 35 | 48 | 57 | 51 | 43 | 49 | 49 | 41 | 51 | 50 | 47 |
| Tổng số lượt GS | 334 | 322 | 50 | 333 | 252 | 258 | 262 | 220 | 140 | 95 | 221 | 201 | 2,688 |
| TG trung bình cho mỗi lượt GS (minutes) | 13.3 | 12.7 | 21.7 | 11.7 | 14 | 16.2 | 18.2 | 19.1 | 22.7 | 13.6 | 18.7 | 19.5 | 16 (±9) |





Bàn luận

- Tỷ lệ tuần thủ VST từ 2008-2010: tương tự tỷ lệ của BV Bạch Mai

| Nghiên cứu | Trước can thiệp | | OR | p |
|---------------|-------------------|-------------------|----------------|--------|
| | Trước can thiệp | Sau can thiệp | | |
| BV Hùng Vương | 8.22 (7-9%) | 44 (42-46%) | 8.8 (7.6-10.1) | <0.001 |
| BV Bạch Mai | 14% (12.7%-15.5%) | 47% (45.4%-48.6%) | | |

Bàn luận

- Tỷ lệ tuần thủ của BS cao hơn tỷ lệ tuần thủ của điều dưỡng, hộ sinh
 - Cơ hội VST của Bác sĩ đơn giản hơn
 - Giám đốc và các trưởng khoa trực tiếp làm gương tiêu biểu
 - Tỷ lệ cơ hội quan sát từ BS là 41%

So sánh tỷ lệ tuần thủ của BVHV với những nơi khác

| Study | BV Hùng Vương | BV TW Huế |
|---|---------------------------|---------------------|
| Tổng số cơ hội quan sát của Bs | 41% | 5% |
| Tỷ lệ tuần thủ VST của BS | 51.0% (95%CI: 50.1- 51.8) | 34% (95% CI: 26-43) |
| Tổng số cơ hội quan sát của Điều dưỡng, hộ sinh | 53% | 54% |
| Tỷ lệ tuần thủ vst của ĐD, HS | 41.8 (95% CI: 41.0-42.5) | 57% (95%CI: 55-60) |

Bàn luận

- Tỷ lệ NKVM giảm rõ rệt nhưng tỷ lệ NKVM sau mổ phụ khoa tăng từ 2012
- Những vấn đề:
 - Có nhiều PTV trẻ mới được phép PT từ năm 2013
 - Môi trường phòng mổ vấy nhiễm sau khi máy lạnh trung tâm hư
 - Không thực hiện giám sát thường quy glycemie sau mổ
- Cần thực hiện phân tích thêm các yếu tố nguy cơ và can thiệp sâu

Kết luận

- Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay cải thiện rõ rệt sau 5 năm áp dụng chương trình VST của WHO
- Tỷ lệ NKBV giảm rõ rệt trong những năm qua
- Cần triển khai rộng rãi chương trình VST và phòng ngừa NKVM

Lời cảm ơn

- BS Nguyễn Văn Trương
- CN Đinh Thị Kim Thư, Nguyễn Thị Kim Tuyết, Trần Thị Mỹ Hạnh, Ngô Thị Thanh Thắm, Trần Chiến Công, Vũ Quyết Thắng
- Công ty Bbraun

KHÔNG HÀNH ĐỘNG HÔM NAY KHÔNG CHỮA LÀNH NGÀY MAI

